

Bản án số: 26/2025/HS-ST
Ngày 27-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mã Thị Hiền

Bà Lộc Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại Chi nhánh Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2025/TLST-HS, ngày 11 tháng 09 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST- HS, ngày 18 tháng 9 năm 2025 đối với:

1. Bị cáo Vy Thị L, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 12 tháng 4 năm 1974, tại xã L, tỉnh Lạng Sơn. nơi cư trú: Khu B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Văn Đ (đã chết) và con bà Ngô Thị P, sinh năm 1947; chồng: Ông Hầu Văn T, sinh năm 1967; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/02/2025, đến ngày 26/02/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, có mặt.

2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

2.1. Bà Lộc Thị Đ1, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu B, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.2. Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn H, xã X, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.3. Ông Nông Văn N, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.4 Ông Lương Văn L1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.5. Ông Lường Văn P1, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu P, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.6. Ông Ngụy Văn S, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn B, xã X, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.7. Ông Lâm Văn T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn P, xã X, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.8. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.9. Ông Lành Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.10. Ông Lương Văn N2, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu L, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.11. Bà Vy Thị N3, sinh năm 1981; địa chỉ: L, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.12. Ông Lâm Văn T2, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.13. Ông Vi Văn H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.14. Ông La Văn D, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Ô, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

2.15. Bà Vi Thị H2, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu Phố B, xã N, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.16. Ông Lộc Văn Đ2, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.17. Bà Hà Thu H3, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu D, xã N, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.18. Ông Hứa Văn L2, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn K, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.19. Bà Nông Thị V, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Ô, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.20. Ông Vi Văn K, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.21. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- 2.22. Ông Nông Minh C1, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu L, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.23. Ông Nông Văn K1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn L, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.24. Ông Vi Văn T3, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.25. Ông Lương Văn L3, sinh năm 1970; địa chỉ: L thôn A, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.26. Bà Vi Thị M, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.27. Ông Nông Văn C2, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.28. Bà Phạm Thị H4, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu N, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.29. Bà Vi Thị T4, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu H, xã N, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.30. Ông Hoàng Văn Q1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã X, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.31. Bà Vi Thị C3, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã X, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.32. Bà Vi Thị H5, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu N, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.33. Ông Lâm Văn Đ3, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn K, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.34. Bà Lương Bích H6, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu P, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.35. Bà Lương Thanh N4, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu C, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.36. Bà Lại Thị C4, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.37. Ông Âu Văn H7, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn N, xã N. Tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.38. Bà Hoàng Thị T5, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
- 2.39. Ông Hoàng Văn D1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.40. Bà Vy Thị Y, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt

2.41. Ông Nông Văn N5, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.42. Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.43. Bà Phùng Thị D3, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu L, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.44. Ông Vi Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.45. Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu C, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.46. Bà Lành Thị H8, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu B, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2.47. Ông Nguyễn Văn L4, sinh năm 1989; địa chỉ: Đường V. phường L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận được đơn tố cáo (không đề tên người viết đơn) với nội dung tố cáo về việc trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, tại hộ kinh doanh Vy Thị L có bán hoá đơn cho một số cán bộ kế toán công tác tại Ủy ban nhân dân (UBND) các xã trên địa bàn huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có dấu hiệu của hành vi mua bán trái phép hoá đơn, tiến hành các hoạt động điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định. Quá trình điều tra xác định được như sau: Hộ kinh doanh Vy Thị L - Mã số thuế: 4900597964, địa chỉ: Số A, khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do Vy Thị L - sinh năm 1974, hộ khẩu thường trú: khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn làm chủ hộ, kinh doanh bán lẻ các loại hàng hóa (hàng tạp hóa, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm...). Trong quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 2022 đến tháng 12/2023, Vy Thị L đã bán hoá đơn lập khống cho một số cán bộ làm công tác kế toán tại các Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trên địa bàn huyện L quyết toán các khoản tiền đã chi ra trước đó phục vụ hoạt động của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán. Vy Thị L đã bán ra 32 (ba mươi hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) với tổng giá trị hàng hóa trên hoá đơn là 350.692.008 đồng, trong đó ghi khống hàng hóa với tổng giá trị là 290.757.008 đồng với giá từ 10 - 15%/01 tờ hóa đơn, sau khi nộp thuế Vy Thị L được hưởng lợi bất hợp pháp từ 3% - 13,5% trên tổng trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn, tổng số tiền bản thân Vy Thị L hưởng lợi bất chính là

25.243.977 đồng, đã nộp thuế của phần tăng không tổng số tiền: 6.343.531 đồng. Cụ thể:

1. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã Á: Vy Thị L đã bán 02 (hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số: 220 ngày 24/9/2022, 532 ngày 02/10/2023 cho Lộc Thị Đ1 là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã Á, có tổng giá trị trên hóa đơn là 17.620.000 đồng, ghi tăng không toàn bộ. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 2.114.000 đồng (tương đương 12% trên tổng số tiền không của 02 hóa đơn) và Vy Thị L đưa trả lại cho Lộc Thị Đ1 số tiền 15.506.000 đồng. Sau khi nộp thuế số tiền: 264.300 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 1.849.700 đồng. Lộc Thị Đ1 đã sử dụng số tiền 15.506.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Đặng Văn Q là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Á là duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Đặng Văn Q được Lộc Văn Đ4 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

2. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã T: Vy Thị L bán 02 (hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số: 729 ngày 13/12/2023, 810 ngày 28/12/2023 cho Nông Văn N là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã T, có tổng giá trị trên hóa đơn là 28.180.000 đồng, toàn bộ đều lập không. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 3.381.000 đồng (tương đương 12% trên tổng số tiền không của các hóa đơn) và Vy Thị L có đưa trả lại cho Nông Văn N số tiền 24.799.000 đồng. Sau khi nộp thuế số tiền 422.700 đồng, Vy Thị L hưởng lợi bất chính số tiền là 2.958.300 đồng. Nông Văn N đã sử dụng số tiền: 24.799.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Lương Văn L1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Lương Văn L1 được Nông Văn N báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

3. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã K: Vy Thị L bán 02 (hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số: 285 ngày 27/10/2022, số 203 ngày 19/05/2023 cho Vi Thị H2 là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã K, có tổng giá trị trên hóa đơn là 6.612.000 đồng, toàn bộ đều lập không. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 662.000 đồng (tương đương 10% trên tổng số tiền không của các hóa đơn) và trả lại trực tiếp cho Vi Thị H2 số tiền 5.950.000 đồng. Sau khi nộp thuế: 99.180 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 562.820 đồng. Vi Thị H2 đã sử dụng số tiền 5.950.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của UBND xã theo đúng nội dung quyết toán tại điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Lộc Văn Đ2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Lộc Văn Đ2 được Vi Thị H2 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết

toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

4. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã Đ: Vy Thị L bán 02 (hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số: 506 ngày 22/12/2022, số 555 ngày 28/12/2022) cho Hà Thu H3 là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã Đ, có tổng giá trị trên hóa đơn là 6.150.000 đồng toàn bộ đều là lập không. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 615.000 đồng (tương đương 10% trên tổng số tiền không của các hóa đơn) và trả lại cho Hà Thu H3 số tiền 5.535.000 đồng. Sau khi nộp thuế: 214.250 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 400.750 đồng. Hà Thu H3 đã sử dụng số tiền 5.535.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của UBND xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Hứa Văn L2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Hứa Văn L2 được Hà Thu H3 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

5. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã K: Vy Thị L bán 01 (một) hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số 465 ngày 17/12/2022 cho Nông Thị V là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã K, có tổng giá trị trên hóa đơn là 16.830.000 đồng, toàn bộ đều lập không. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 1.683.000 đồng, (tương đương 10% trên tổng số tiền không của hóa đơn) và đưa trả lại cho Nông Thị V số tiền 15.147.000 đồng. Sau khi nộp thuế 252.450 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 1.430.550 đồng. Nông Thị V đã sử dụng số tiền 15.147.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Vi Văn K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Vi Văn K được Nông Thị V báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

6. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã M: Vy Thị L bán 01 (một) hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số 561 ngày 28/12/2022 cho Nông Văn K1 là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã M, có tổng giá trị trên hóa đơn là 10.740.000 đồng, toàn bộ đều là lập không. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 1.074.000 đồng (tương đương 10% trên tổng số tiền không của hóa đơn) và trả lại cho Nông Văn K1 số tiền 9.666.000 đồng. Sau khi nộp thuế: 161.100 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 912.900 đồng. Nông Văn K1 đã sử dụng số tiền 9.666.000 đồng để chi trả số tiền trước đó Ủy ban nhân dân xã M mua sắm các vật dụng để dựng lại nhà tạm bị mưa bão lũ cuốn trôi nhà cửa, đồ dùng cho gia đình ông Lành Văn H10 (hiện tại ông H10 đã chết), trú tại: thôn L, xã M, huyện L. Vi Văn T3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Vi Văn T3 được Nông Văn K1 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các

khoản đã chi không đúng theo dự toán này. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

7. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã N: Vy Thị L bán 02 (hai) hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số 126, số 129 ngày 12/04/2023 cho Vi Thị C3 là công chức văn hóa, xã hội của Ủy ban nhân dân xã N, có tổng giá trị trên hóa đơn là 540.000 đồng, toàn bộ là lập khống. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 54.000 đồng (tương đương 10% trên tổng số tiền khống của các hóa đơn) và trả lại cho Vi Thị C3 số tiền 486.000 đồng. Sau khi nộp thuế 8.100 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 45.900 đồng. Vi Thị C3 đã sử dụng số tiền 486.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ, tự ý thực hiện hành vi mua hoá đơn về để quyết toán. Hoàng Văn Q1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Hoàng Văn Q1 được Vi Thị C3 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

8. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân thị trấn L: Vy Thị L bán 02 (hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số 463 ngày 17/12/2022, 492 ngày 21/12/2022 cho Vi Thị H5 là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân thị trấn L, có tổng giá trị trên hóa đơn là 9.060.000 đồng, toàn bộ đều lập khống. Vi Thị L5 có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 906.000 đồng (tương đương 10% trên tổng số tiền khống của các hóa đơn) và trả lại trực tiếp cho Vi Thị H5 số tiền 8.154.000 đồng. Sau khi nộp thuế số tiền 232.275 đồng, Vy Thị L hưởng lợi bất chính số tiền là 673.725đ. Vi Thị H5 đã sử dụng số tiền 8.154.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân thị trấn L theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Lâm Văn Đ3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Lâm Văn Đ3 được H5 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

9. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã H: Vy Thị L bán 01 hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số: 287 ngày 27/10/2022 cho Vi Thị Y1 là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã H, có tổng giá trị trên hóa đơn là 9.000.000 đồng, toàn bộ đều lập khống. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 1.350.000 đồng (tương đương 15% trên tổng số tiền khống của hóa đơn) và trả lại cho Vi Thị Y1 số tiền 7.650.000 đồng. Sau khi nộp thuế 135.000 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 1.215.000 đồng. Vi Thị Y1 đã sử dụng số tiền 7.650.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã H theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Nông Văn H11 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H - là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Nông Văn H11 được Vi Thị Y1 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

10. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã T: Vy Thị L bán 01 (một) hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số: 427 ngày 11/12/2022 cho Vy Thị N3 là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã T, có tổng giá trị trên hóa đơn là 22.960.000 đồng, trong đó ghi tăng không hàng hóa có tổng giá trị 6.000.000 đồng, còn lại 16.960.000 đồng là có mua bán thực tế. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 720.000 đồng (tương đương 12% trên tổng số tiền không của hóa đơn) và trả lại cho Vy Thị N3 số tiền 5.280.000 đồng. Sau khi nộp thuế 90.000 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 630.000 đồng. Vy Thị N3 đã sử dụng số tiền 5.280.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. La Văn D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. La Văn D được Vy Thị N3 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

11. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã H: Vy Thị L bán 01 (một) hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số 486 ngày 20/12/2022 cho Vi Thị M là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã H, có tổng giá trị trên hóa đơn là 9.080.000 đồng, lập tăng không 9.000.000 đồng, có mua bán thực tế 80.000 đồng. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 900.000 đồng (tương đương 10% trên tổng số tiền không của hóa đơn) và đưa trả lại cho Vi Thị M 8.100.000 đồng. Sau khi nộp thuế: 135.000 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 765.000 đồng. Vi Thị M đã sử dụng số tiền 8.100.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Nông Văn C2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Nông Văn C2 được Vi Văn M1 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

12. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã Đ: Vy Thị L bán 02 (hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) cho Lại Thị C4 là công chức Kế toán của Ủy ban nhân dân xã Đ, gồm các hóa đơn: số 341 và số 343 ngày 17/7/2023, có tổng giá trị trên hóa đơn là 5.600.008 đồng. Trong đó có tờ hóa đơn 341 là có mua bán thực tế 500.000 đồng, số còn lại ghi tăng không hàng hóa có tổng giá trị 5.100.008 đồng. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 510.008 đồng (tương đương 10% trên tổng số tiền không của các hóa đơn) và đưa trả lại cho Lại Thị C4 số tiền 4.590.000 đồng. Sau khi nộp thuế số tiền: 269.501 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 240.507 đồng. Lại Thị C4 đã sử dụng số tiền 4.590.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã Đ theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Âu Văn H7 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Âu Văn H7 được Lại Thị C5 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

13. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã Y: Vy Thị L bán 02 (hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) cho Phùng Thị D3 là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã Y, gồm các hóa đơn số: 340 và 341 ngày 22/11/2022, có tổng giá trị trên hóa đơn là 36.970.000 đồng, có mua bán thực tế tổng số tiền: 14.820.000 đồng, tăng không tổng số tiền 22.150.000 đồng. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 2.215.000 đồng (tương đương 10% trên tổng số tiền không của 02 hóa đơn) và đưa trả lại cho Phùng Thị D3 số tiền 19.935.000 đồng. Sau khi nộp thuế số tiền: 371.300 đồng, Vy Thị L H9 lợi bất chính số tiền là 1.843.700 đồng. Phùng Thị D3 đã sử dụng số tiền 19.935.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã Y theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Hoàng Thị G là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. G đã được Phùng Thị D3 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

14. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã T: Vy Thị L bán 06 (sáu) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số: 276 ngày 25/10/2022, số 293 ngày 28/10/2022, số 302 ngày 02/11/2022, số 537 ngày 27/12/2022, số 575 ngày 29/12/2022 và số 104 ngày 28/03/2023 cho Hoàng Văn C là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã T, tổng giá trị trên hóa đơn là 120.050.000 đồng, trong đó mua bán thực tế số tiền là 27.575.000 đồng, còn lại nâng không 92.475.000 đồng. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 9.247.500 đồng (tương đương 10% trên tổng số tiền không của các hóa đơn) và đưa trả lại cho Hoàng Văn C tổng số tiền 83.227.500 đồng. Sau khi nộp thuế số tiền 2.745.625 đồng, Vy Thị L hưởng lợi bất chính số tiền là 6.501.875 đồng. Hoàng Văn C đã sử dụng số tiền 83.227.500 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Nông Minh C1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Nông Minh C1 được Hoàng Văn C báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

15. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã T: Vy Thị L bán 03 (ba) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số: 450 ngày 16/12/2022, số 13 ngày 16/01/2023, số 148 ngày 21/4/2023 cho Hoàng Thị Nghĩa là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã T, có tổng giá trị trên hóa đơn là: 14.350.000 đồng, toàn bộ đều lập không. Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 1.722.000 đồng (tương đương 12% trên tổng số tiền không của các hóa đơn) và trả lại trực tiếp cho Hoàng Thị N1 số tiền 12.628.000 đồng bằng tiền mặt tại cửa hàng của L. Sau khi nộp thuế số tiền 388.500 đồng, Vy Thị L hưởng lợi bất chính số tiền là 1.333.500 đồng. Hoàng Thị N1 đã sử dụng số tiền 12.628.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Lương Văn N2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước, từ nguồn chi. Đối với hoá đơn số: 450 ngày 16/12/2022 là chi qua Phòng

giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI; đối với 02 hoá đơn số: 13 ngày 16/01/2023, số 148 ngày 21/4/2023 là không chi qua Phòng giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI (trước là Kho bạc Nhà nước huyện L). Lương Văn N2 được Hoàng Thị N1 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

16. Bán hoá đơn cho Ủy ban nhân dân xã X: Vy Thị L bán 02 (hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) số: 214 ngày 20/9/2022, 399 ngày 06/12/2022 cho Lương Văn P1 là công chức kế toán của Ủy ban nhân dân xã X, có tổng giá trị hàng hóa là 36.950.000 đồng, toàn bộ đều lập khống. Sau khi Ủy ban nhân dân xã thực hiện các thủ tục thanh toán hoá đơn 399 ngày 06/12/2022 số tiền 13.500.000 đồng, Vy Thị L có lấy tiền hoá đơn sau khi được chuyển tiền là: 1.620.000 đồng (tương đương 12% trên tổng số tiền khống) và trả lại trực tiếp cho Lương Văn P1 số tiền 11.880.000 đồng bằng tiền mặt tại cửa hàng của Vy Thị L. Đối với hoá đơn 214 ngày 20/9/2022, giá trị 23.450.000 đồng, Vy Thị L không thấy Ủy ban nhân dân xã quyết toán, sau đó Lương Văn P1 có trả tiền mua hoá đơn cho Vy Thị L là 2.814.000 đồng (tương đương 12% trên tổng số tiền khống), tổng cộng số tiền Vy Thị L được từ việc bán hoá đơn là 4.434.000 đồng. Sau khi nộp thuế số tiền 554.250 đồng, Vy Thị L hưởng lợi bất chính số tiền là 3.879.750 đồng. Lương Văn P1 đã sử dụng số tiền 11.880.000 đồng để chi trả việc mua hàng hoá thực tế của Ủy ban nhân dân xã theo đúng nội dung quyết toán tại địa điểm khác nhưng không có hoá đơn chứng từ. Nguyễn Văn S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X là người duyệt chi rút tiền từ dự toán Ngân sách Nhà nước. Đối với tờ hoá đơn 399 ngày 06/12/2022, Ủy ban nhân dân xã không quyết toán, không sử dụng hoá đơn này vào mục đích nào khác. Nguyễn Văn S được Lương Văn P1 báo cáo về việc thực hiện hành vi mua hoá đơn để quyết toán các khoản đã chi theo đúng dự toán. Không vụ lợi cá nhân, không có động cơ mục đích cá nhân khác.

Quá trình điều tra xác định: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã sử dụng hoá đơn bán hàng (bản điện tử) mua khống (một phần hoặc toàn bộ) của hộ kinh doanh Vy Thị L để quyết toán tiền từ Ngân sách Nhà nước nhằm chi trả cho số tiền đã mua hàng hoá thực tế phục vụ hoạt động thường xuyên, hoạt động chung của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn. Công chức, kế toán của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn là người trực tiếp mua hoá đơn, sau khi thực hiện xong mới báo cáo lại Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nhằm quyết toán các khoản đã chi trả theo đúng dự toán. Việc thanh quyết toán đều chi trả các khoản đã chi thực tế, không có động cơ mục đích vụ lợi hay chiếm đoạt Ngân sách Nhà nước hoặc vì động cơ mục đích cá nhân khác.

Đối với những hóa đơn có mua hàng hóa thực tế một phần, một phần nâng khống thì Vy Thị L có ghi lại vào tờ giấy A4 ghi rõ là của ai mua xuất hóa đơn cho đơn vị, tổng số tiền mua thực tế, số tiền nâng khống, ngày tháng năm. Sau khi được thanh toán thì Vy Thị L sẽ đem bỏ đi. Vy Thị L không còn giữ tờ giấy nào liên quan các hóa đơn này.

Kết luận giám định số: 80/KL-STC, ngày 20/8/2025 của Sở Tài chính Ủy ban nhân dân tỉnh L, kết luận:

“1. Đối với nội dung giám định: Việc thanh quyết toán của các UBND xã, thị trấn có đúng nội dung chi, đúng nguồn chi theo quy định không?

Kết luận: UBND các xã, thị trấn đã thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên theo đúng dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao; nguồn chi đảm bảo đúng phân cấp quản lý; thủ tục rút và thanh toán qua Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo quy trình. Tuy nhiên, theo các tài liệu tại hồ sơ giám định do cơ quan cảnh sát điều tra cung cấp, căn cứ Bảng kê chi tiết các hoá đơn liên quan vụ án và xem xét Biên bản xác minh, làm việc với các trường hợp liên quan; Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung các đối tượng, đề hợp thức hóa hồ sơ quyết toán, các đơn vị đã sử dụng hóa đơn mua bán trái phép làm căn cứ chứng minh chi phí, dẫn đến sai phạm trong việc chấp hành chế độ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

2. Đối với nội dung giám định: Việc thực hiện quyết toán từ các hoá đơn có gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước không? Số tiền thiệt hại của từng UBND xã, thị trấn là bao nhiêu tiền?

Kết luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng từ kèm theo Quyết định số 2985/QĐ- CSKT ngày 30/7/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L trung cầu giám định Sở Tài chính tỉnh L và Biên bản giao nhận tài liệu lập ngày 05/8/2025, ngày 12/8/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh L và Sở T, về hậu quả thiệt hại cho ngân sách nhà nước: Trên cơ sở đối chiếu hồ sơ, chứng từ và kết quả giám định, xác định việc UBND các xã, thị trấn sử dụng 32 hóa đơn do hộ kinh doanh Vy Thị L phát hành để thực hiện thanh toán, quyết toán, trong đó có 290.757.008 đồng là hóa đơn không phản ánh giao dịch thực tế (hóa đơn không). Hành vi này vi phạm các nguyên tắc quản lý tài chính, kế toán, và quy định về sử dụng hóa đơn, chứng từ, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với tổng số tiền 256,307,008 đồng. Số tiền thiệt hại cụ thể của từng UBND xã, thị trấn được xác định theo số lượng và giá trị hóa đơn không mà từng đơn vị đã sử dụng để quyết toán (cụ thể theo biểu chi tiết dưới đây).”

TT	Đơn vị	Số tiền thiệt hại cho NSNN	Ghi chú
1	UBND xã Ái Quốc	17,620,000đ	Không toàn bộ
2	UBND xã Tĩnh Bắc	28,180,000đ	Không toàn bộ
3	UBND xã Khuất Xá	6,612,000đ	Không toàn bộ
4	UBND xã Đồng Bục	6,150,000đ	Không toàn bộ
5	UBND xã Khánh Xuân	16,830,000đ	Không toàn bộ
6	UBND xã Minh Hiệp	10,740,000đ	Không toàn bộ

7	UBND Nam Quan	540,000đ	Khống toàn bộ
8	UBND thị trấn Lộc Bình	9,060,000đ	Khống toàn bộ
9	UBND xã Hữu Lân	9,000,000đ	Khống toàn bộ
10	UBND xã Thống Nhất	6,000,000đ	Khống một phần
11	UBND xã Hữu Khánh	9,000,000đ	Khống một phần
12	UBND xã Đông Quan	5,100,008đ	Khống một phần
13	UBND xã Yên Khoái	22,150,000đ	Khống một phần
14	UBND xã Tú Đoạn	92,475,000đ	Khống một phần
15	UBND Tú Mịch	3,350,000đ	Có 02 hoá đơn không quyết toán tiền từ NSNN
16	UBND xã Xuân Dương	13,500,000đ	Có 01 hoá đơn không quyết toán tiền
Tổng số tiền		256,307,008 đ	

Cáo trạng số: 16/CT-VKSK5, ngày 09/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Vy Thị L về tội Mua bán trái phép hóa đơn, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 35 và 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vy Thị L. Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Vy Thị L phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn. Về hình phạt đề nghị: Xử phạt bị cáo Vy Thị L số tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Về xử lý vật chứng căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị: Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) Bộ máy tính để bàn (màn hình ghi nhãn hiệu “acer”; case máy tính ghi nhãn hiệu “Huntkey”, có chuột máy tính và bàn phím máy tính kèm theo); 01 (một) Máy in nhãn hiệu Canon LBP 2900, do bị cáo Vy Thị L đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền: 25.250.000 đồng do Vy Thị L tự nguyện giao nộp lại số tiền lợi bất chính có

được từ hành vi bán trái phép hoá đơn. Về án phí, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm 47 người đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023, Vy Thị L đã bán 32 (ba mươi hai) tờ hóa đơn bán hàng (bản điện tử) lập khống cho một số cán bộ làm công tác kế toán công tác tại các Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trên địa bàn huyện L cũ, quyết toán các khoản tiền đã chi ra trước đó phục vụ hoạt động của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn theo đúng nội dung quyết toán, tổng giá trị hàng hóa trên 32 (ba mươi hai) hoá đơn là 350.692.008 đồng, trong đó ghi khống hàng hóa với tổng giá trị là 290.757.008 đồng với giá từ 10 - 15%/01 tờ hóa đơn, sau khi nộp thuế Vy Thị L được hưởng lợi bất hợp pháp từ 3% - 13,5% trên tổng trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn, sau khi trừ đi số tiền: 6.343.531 đồng đã nộp thuế của phần tăng khống, bản thân Vy Thị L hưởng lợi bất chính là 25.243.977 đồng.

[3] Với hành vi như trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vy Thị L phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ và hoạt động quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi Mua bán trái phép hóa đơn là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi nên đã cố ý thực hiện. Vì vậy,

hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Vy Thị L lần đầu phạm tội, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, nên được coi là có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vy Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã tự nguyện nộp 25.250.000 đồng là vượt quá số tiền 25.243.977 đồng, tiền do phạm tội mà có; năm 2021 bị cáo ủng hộ cách ly covid 19, bố chồng sinh sống cùng được tặng thưởng huân chương nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về hình phạt chính: Theo quy định tại khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự thì hình phạt chính có thể là phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy theo lý lịch xác định nghề nghiệp bị cáo là tự do; tại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của H12 kinh doanh Vy Thị L (bút lục số 09) xác định số vốn kinh doanh 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), tại phiên tòa bị cáo khai có làm nghề kinh doanh, có khả năng thi hành án phạt tiền, việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, bị cáo cam đoan đảm bảo thi hành án được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là tiền đối với bị cáo; đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo là đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[9] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì không có căn cứ để áp dụng.

[10] Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) Bộ máy tính để bàn (màn hình ghi nhãn hiệu “acer”; case máy tính ghi nhãn hiệu “Huntkey”, có chuột máy tính và bàn phím máy tính kèm theo); 01 (một) Máy in nhãn hiệu Canon LBP 2900, do bị cáo Vy Thị L đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền: 25.250.000 đồng do Vy Thị L tự nguyện giao nộp lại vượt 6.023 đồng số tiền do phạm tội mà có, nhưng không yêu cầu trả lại số tiền vượt quá 6.023 đồng.

[11] Đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan đã thực hiện hành vi mua trái phép hoá đơn với Vy Thị L nhằm mục đích quyết toán tiền từ Ngân sách Nhà nước, có dấu hiệu của tội Vi phạm quy định về kế toán tuy nhiên hậu quả thiệt hại của từng cá nhân chưa đến 100.000.000 đồng nên chưa đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 221 Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã gửi công văn kiến nghị kèm hồ sơ liên quan

đến Ủy ban nhân dân tỉnh L xem xét mức độ vi phạm, có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân, tổ chức nêu trên.

[13] Về án phí: Bị cáo Vy Thị L bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 35 và 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vy Thị L phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vy Thị L 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) Bộ máy tính để bàn (màn hình ghi nhãn hiệu “acer”; case máy tính ghi nhãn hiệu “Huntkey”, có chuột máy tính và bàn phím máy tính kèm theo);

- 01 (một) Máy in nhãn hiệu Canon LBP 2900, đã sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09 tháng 9 năm 2025).

3.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Tịch thu của bị cáo Vy Thị L số tiền 25.250.000 đồng (hai mươi năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền trên được chuyển vào tài khoản số 3949.0.01054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, tại: 20203001 - N6 - CN tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vy Thị L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- PC10 Công an tỉnh L;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L;
- PV 06 Công an tỉnh L;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 – Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Những người CQLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Chung